TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 12-5-2023
V/v: Ly hôn giữa chị Q và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23-3-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực N - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐ-PT ngày 28-4-2023 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q - Sinh năm 1990

Nơi thường trú: Khu 1 Cự T - xã Phương Đ - huyện Trực N - tỉnh Nam Định

+ Bị đơn: Anh Vũ Xuân B - Sinh năm 1987

Nơi thường trú: Khu 1 Cự T - xã Phương Đ - huyện Trực N - tỉnh Nam Định

+ Người kháng cáo:Bị đơn anh Vũ Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị Vũ Thị Q và anh Vũ Xuân B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24-04-2010 tại UBND xã Phương Đ - huyện Trực N - tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ ngày 27-05-2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 27-05-2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Chị Q đề nghị ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thùy L sinh ngày 04/03/2011, và cháu Vũ An N sinh ngày 12/03/2020. Hiện cháu L đang ở cùng với chị Q, cháu N đang ở với anh B. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp chỉ được nuôi một con chung thì chị có nguyện vọng được nuôi con chung là Vũ An N và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Vũ Xuân B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Vũ Thị Q về thời gian, địa điểm kết hôn.Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về kinh tế và cuộc sống cá nhân. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị Q đã trình bày. Cháu L đang ở với chị Q, cháu N đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp chỉ được nuôi một con chung thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu N và để chị Q nuôi cháu L. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực N - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Q và anh Vũ Xuân B.

2. Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Q trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Vũ An N sinh ngày 12-03-2020. Giao cho anh Vũ Xuân B trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị Thùy L, sinh ngày 04-03-2011. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Hiện 2 con chung đang ở cùng với chị Q. Chị Q có trách nhiệm giao con chung là Vũ Thị Thùy L cho anh B nuôi dưỡng khi anh B có yêu cầu.

Anh B, chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 27/02/2023, bị đơn anh Vũ Xuân B có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về quyền nuôi con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng giao quyền nuôi con chung Vũ Thị Thùy L cho chị Vũ Thị Q, giao quyền nuôi con chung Vũ An N cho anh Vũ Xuân B trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Vũ Xuân B trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Nguyện vọng của con lớn là cháu Vũ Thị Thùy L muốn được ở với mẹ. Con bé Vũ An N còn rất nhỏ, hiện ở gia đình bà ngoại, không được đi ra ngoài chơi giao tiếp, thường bị nhốt ở trong nhà, nên cháu giao tiếp không bạo dạn và rất hạn chế, vì vậy anh B muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu An Nhiên. Anh

B trình bày hiện làm nghề tự do, thu nhập khoảng 12 đến 16 triệu đồng/1 tháng, thời gian làm việc của anh B từ 8h sáng đến 3h chiều nên anh B có đủ điều kiện thời gian đưa đón con bé đi học, anh B xác định hiện cháu An Nhiên đang học trường mầm non gần nhà, cháu học tại trường từ 8h sáng đến 4h chiều thì gia đình đón về nhà. Trong trường hợp anh B không đưa đón con đi học được thì anh nhờ mẹ đẻ của anh đưa đón, mẹ đẻ anh B sinh năm 1950, hiện nay đang ở nhà chăm sóc bố đẻ anh sinh năm 1949 bị bệnh nằm liệt trên giường. Anh B trình bày cho rằng chị Q không có trách nhiệm chăm nom con cái, nhưng anh không có tài liệu chứng cứ xuất trình cho Tòa án về việc này. Anh B đề nghị Hội đồng xét xử giao quyền nuôi con Vũ An N cho anh chăm sóc, để chị Vũ Thị Q nuôi dưỡng chăm sóc con lớn Vũ Thị Thùy L.

- Nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày ý kiến, tranh luận như sau: Chị không nhất trí với lời trình bày của anh B, hiện cháu Vũ An N còn quá bé, mới hơn 3 tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, chị Q đã cho cháu An Nhiên đi học trường mầm non ở gần nhà, chứ không phải nhốt con ở nhà như lời anh B trình bày. Cháu An Nhiên bị ốm thì chị mới cho cháu nghỉ học ở nhà. Chị Q hiện làm công nhân tại công ty gần nhà, mức lương khoảng 8 triệu đồng/1 tháng, thời gian làm việc hàng ngày của chị từ 7h30 sáng đến 18h chiều. Buổi sáng chị cho con đến lớp, buổi chiều chị nhờ mẹ đẻ của chị đón con từ lớp về, mẹ đẻ chị Q sinh năm 1965, mẹ đẻ hiện làm việc nội trợ tại nhà. Chị và các con ở cùng gia đình mẹ đẻ, có đủ điều kiện sinh hoạt riêng. Chị vẫn giữ quan điểm xin được nuôi con bé Vũ An N như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Lý do kháng cáo anh Vũ Xuân B nêu ra muốn được nuôi con bé Vũ An N là không có căn cứ pháp lý, vì cả hai vợ chồng đều có việc làm và có thu nhập, đều có nguyện vọng và đều đủ điều kiện để bảo đảm được việc nuôi dưỡng con chung; cháu Vũ An N mới hơn 3 tuổi rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, vì vậy cấp sơ thẩm giao cháu Vũ An N cho chị Q nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Thị Thùy L cho anh Vũ Xuân B nuôi dưỡng là có căn cứ pháp lý, phù hợp

thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Xuân B, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Vũ Xuân B làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Vũ Xuân B:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung:Chị Vũ Thị Q và anh Vũ Xuân B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Đ- huyện Trực N - tỉnh Nam Định vào năm 2010, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Q và anh Vũ Xuân Blà có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Vũ Thị Q và anh Vũ Xuân Bcó 02 con chung là cháu Vũ Thị Thùy L sinh ngày 04-3-2011, cháu Vũ An N sinh ngày 12-3-2020.

Nhận thấy, hiện nay cả 02 con chung của chị Q - anh B đều chưa thành niên, nên rất cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục thường xuyên của cha mẹ để cho các con được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần; Căn cứ vào điều kiện công việc, môi trường nơi ở hiện tại, thấy cả anh B và chị Q đều có công việc và có thu nhập ổn định, đều có nguyện vọng và đều đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung; căn cứ vào độ tuổi và tâm sinh lý phát triển của các con chưa thành niên, thấy cấp sơ thẩm đã xét xử giao chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ An N sinh ngày 12-3-2020; giao anh Vũ Xuân B trực tiếp

nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Thị Thùy L sinh ngày 04-3-2011, là có căn cứ pháp lý - phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật hôn nhân và gia đình.

Kháng cáo của anh Vũ Xuân B không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Vũ Xuân B không được chấp nhận nên anh Vũ Xuân B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vũ Xuân B; Giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/HNGĐ-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực N - tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:Anh Vũ Xuân B phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh B đã nộp tại biên lai số 0002223 ngày 06-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực N, xác định anh Vũ Xuân B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NĐ
- TAND huyện Trực N;
- Chi cục THADS huyện Trực N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương